CTCP Sông Đà Cao Cường

FireAnt

Ngày 31/03/2024	32,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	7.0%	**65.8%**	**91.7%**

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	9,367 - 33,300
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	597
Số lượng CPLH (CP)	18,660,895
KLGD BQ 20 phiên (CP)	128,730
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.54
EPS	2,853
P/E	11.2

DT thuần
Q1/24
88.2
tỷ VNĐ
QoQ: ▼55.8| -38.8%
YoY: ▼4.20| -4.6%

LN trước thuế
Q1/24
14.8
tỷ VNĐ
QoQ: ▼3.20| -17.5%
YoY: ▲ 10.3| 226%

LN sau thuế
Q1/24
11.8
tỷ VNĐ
QoQ: ▼2.40| -16.7%
YoY: ▲ 7.93| 206%

ROA
2023
10.8%
+/- YoY: ▲ 5.7%

DT thuần
2023
473
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 134| 39.8%

LN trước thuế
2023
55.7
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 37.1| 199%

LN sau thuế
2023
43.9
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 27.9| 175%

ROE
2023
18.9%
+/- YoY: ▲ 10.7%

Cơ cấu sở hữu

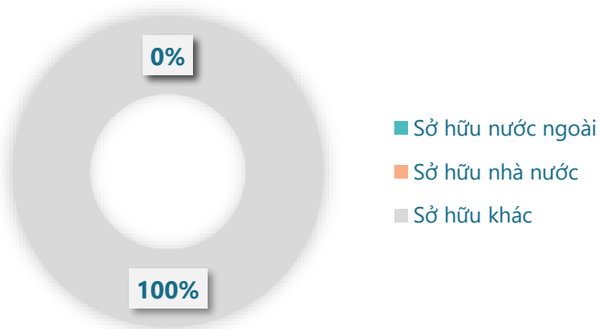

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông

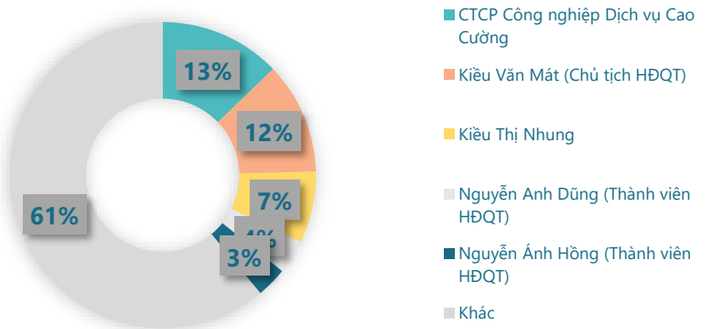

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận

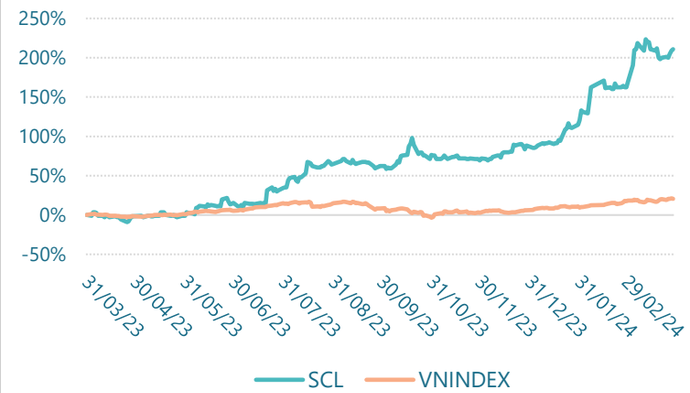

CTCP Sông Đà Cao Cường

FireAnt

Kết quả kinh doanh

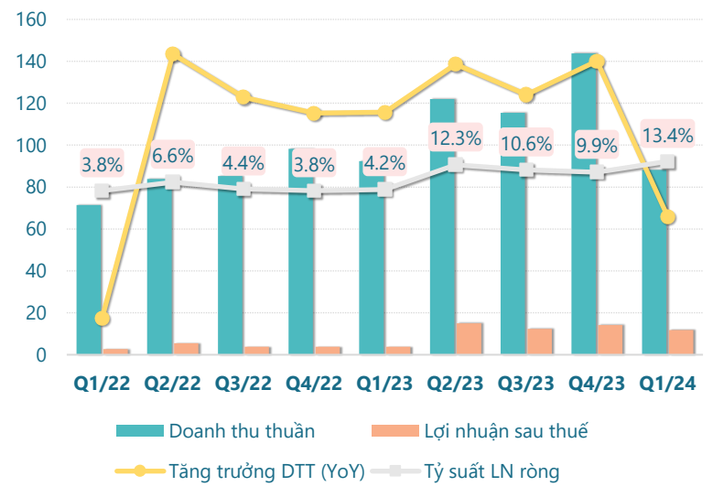

(Nguồn: fireant.vn)

EBIT - Lợi nhuận sau thuế

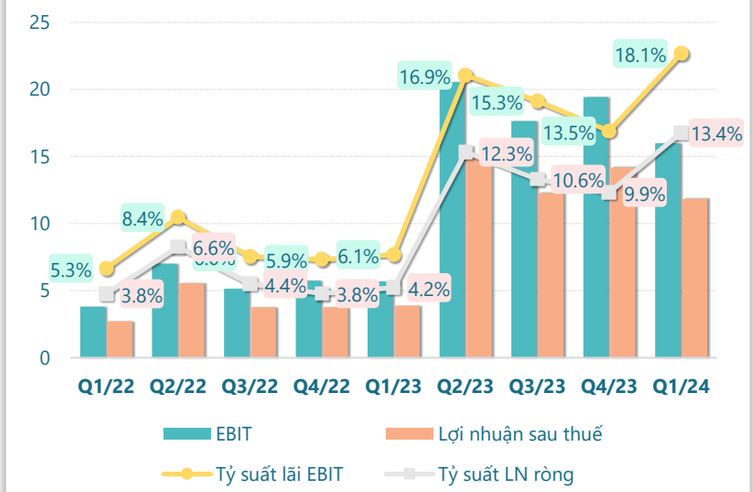

(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận

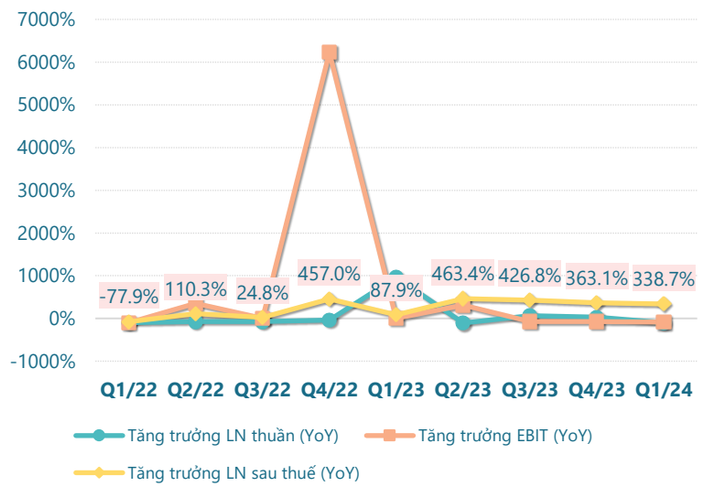

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu lợi nhuận

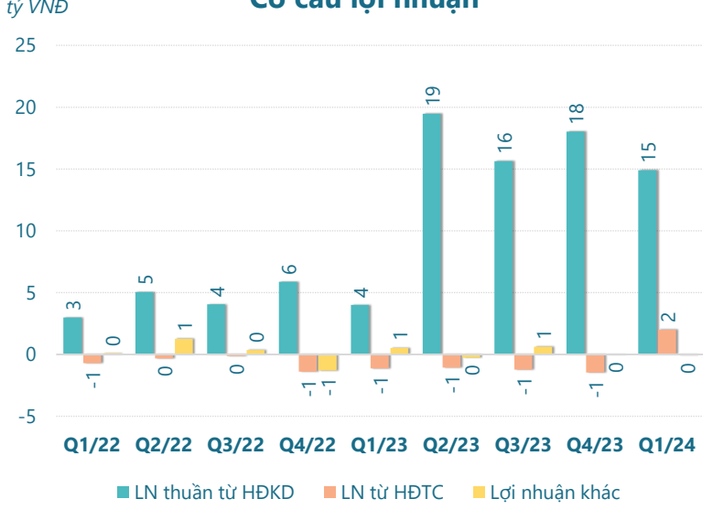

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu chi phí

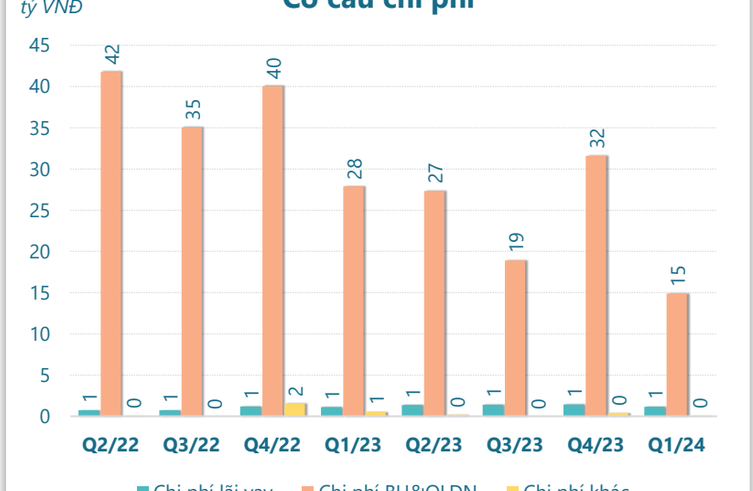

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền

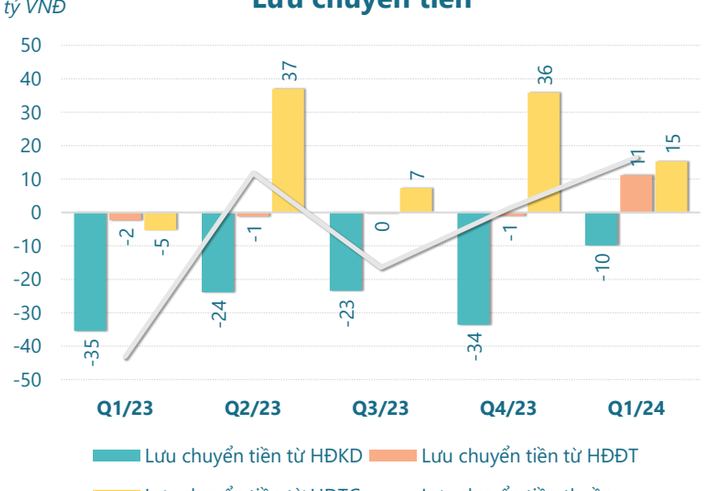

(Nguồn: fireant.vn)

CTCP Sông Đà Cao Cường

FireAnt

Tỷ suất lợi nhuận

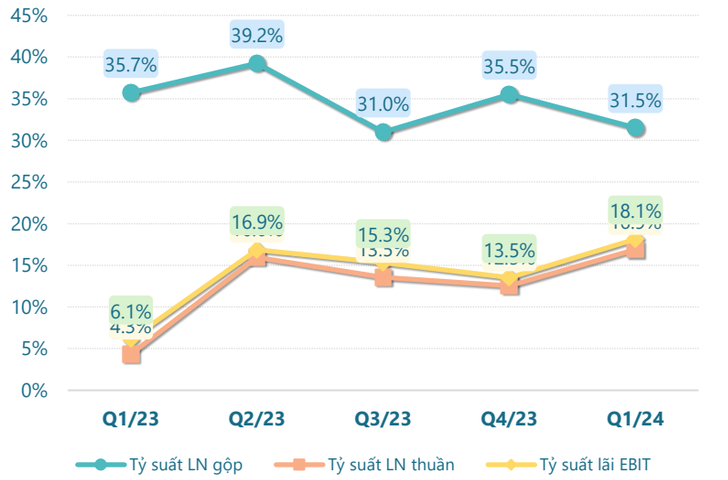

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

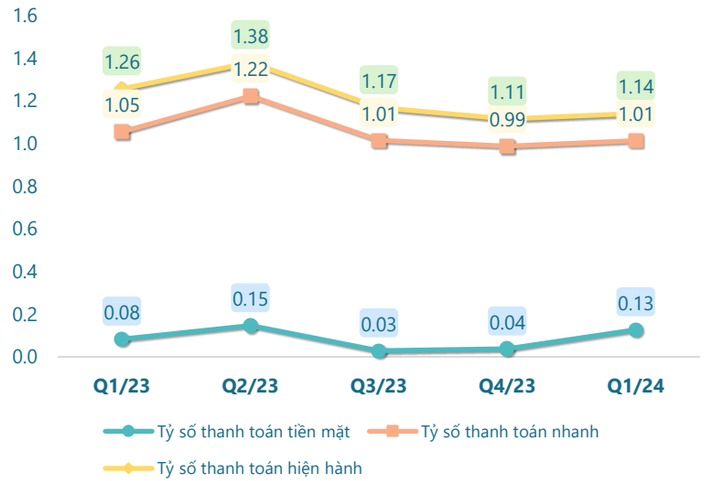

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

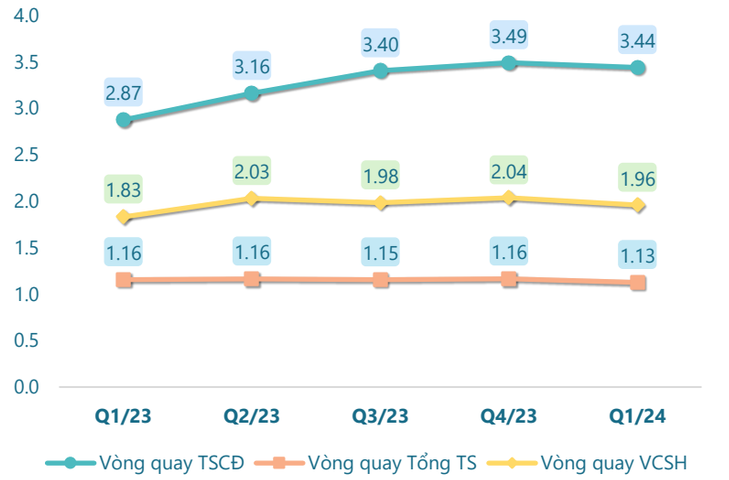

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi

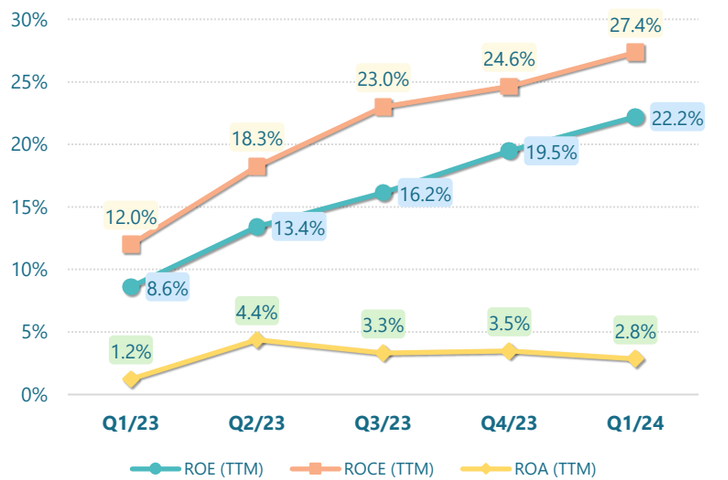

(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn

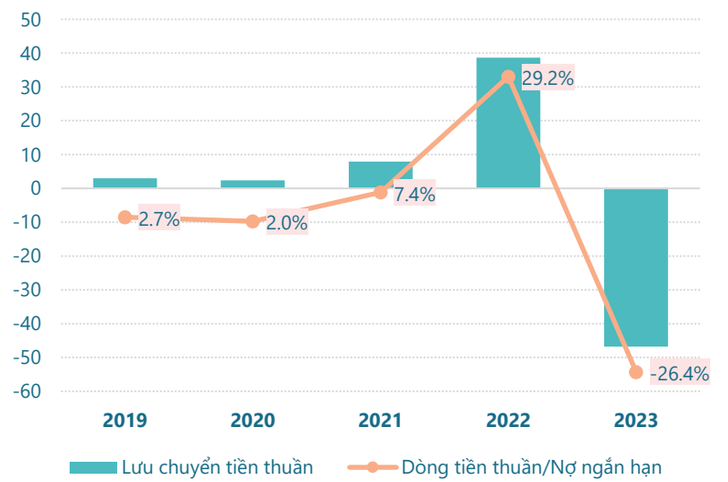

(Nguồn: fireant.vn)

Nhóm chỉ số định giá

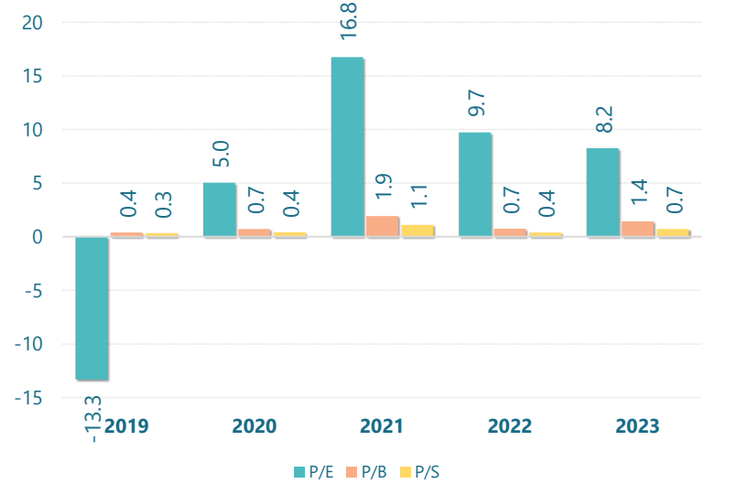

(Nguồn: fireant.vn)